

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-ST  
Ngày: 29/4/2022  
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Bá Khuyển.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Nga.  
2. Ông Văn Phú Hiên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trần Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS, ngày 23/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS, ngày 12/4/2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số 0, phố L, phường H1, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Huỳnh Thị Mỹ D – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 0, quốc lộ 0, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS, ngày 19/9/2019).

*Bà Huỳnh Thị Mỹ D ủy quyền tham gia tố tụng cho:* Ông Nguyễn Minh T – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 0, quốc lộ 0, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Văn bản ủy quyền ngày 21/10/2021).

*2. Bị đơn:* Bà Mai Thị H, sinh năm 1962 và ông Lê Thiết N, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị Huyền T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng C có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh T trình bày:*

Thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi của Ngân hàng C. Ngày 10/11/2008, Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ chương trình cho vay học sinh sinh viên số SV080603.30.../KU với bà Mai Thị H và người thừa kế ông Lê Thiết N. Theo nội dung khế ước, các bên thỏa thuận như sau: Số tiền vay là 24.000.000 đồng; lãi suất cho vay 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi chi vay; thời hạn cho vay 84 tháng; phương thức trả lãi tiền vay, trả lãi hàng tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/10/2015; mục đích vay, chi phí học tập. Đến ngày 19/11/2008, thực hiện theo Quyết định số 1344/QĐ/TTg, ngày 26/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức cho vay đối với học sinh, sinh viên. Do đó, các bên thỏa thuận lại tại Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ như sau: Số tiền vay 24.900.000 đồng; lãi suất cho vay 0,50%/tháng; lãi suất nợ quá hạn 0,650%/tháng; thời hạn cho vay 84 tháng, gia hạn thêm 18 tháng; phương thức trả lãi tiền vay, trả lãi hàng tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày 06/3/2017; mục đích vay, chi phí học tập. Sau đó, đến ngày 31/10/2013 các thỏa thuận tại khế ước cũ được chuyển thành khế ước số 6000004700055...(gộp khế ước). Tuy nhiên, đã hết thời hạn cuối cùng là ngày 06/3/2017 để trả vốn vay và lãi phát sinh nhưng bà Mai Thị H, ông Lê Thiết N vẫn không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo như cam kết trong khế ước nhận nợ dẫn đến món vay trên đã chuyển sang nợ xấu. Ngân hàng đã phối hợp cùng Tổ tiết kiệm và vay vốn, Hội Nông dân xã, Chính quyền địa phương nhiều lần làm việc, nhắc nhở, đôn đốc nhưng hộ vay vẫn cố tình dây dưa không chịu trả nợ. Việc không trả nợ của hộ vay đã vi phạm cam kết tại khế ước nhận nợ nêu trên, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu bà Mai Thị H và ông Lê Thiết N phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng nội dung của khế ước nhận nợ đã ký với số tiền phải trả tính đến ngày 29/4/2022 là: Vốn gốc 24.900.000 đồng; lãi vay trong hạn 9.012.913 đồng; lãi vay quá hạn 10.137.205 đồng. Tổng cộng (gốc và lãi) 44.050.118 đồng (Bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn một trăm mười tám đồng) và phải trả tiền lãi phát sinh thêm, tính từ ngày 30/4/2022 cho đến ngày bà H và ông N trả hết nợ.

*Đối với bị đơn là bà Mai Thị H, ông Lê Thiết N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Huyền T:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà H, ông N và chị T vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ghi ý kiến hay bản tự khai của bà H, ông N và chị T.

*Tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp:*

Người đại diện của nguyên đơn giao nộp: Kèm theo đơn khởi kiện là giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ chương trình cho vay học sinh sinh viên số SV080603.30.../KU' (bản sao); Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn mã KH: 47.06.030... (bản sao); Sổ vay vốn mã KH: 0302.. (bản sao); Bảng kê tính lãi đến ngày 21/10/2021 số kế ước 6000004700055... (bản chính); Giấy xác nhận sinh viên Lê Thị Huyền T (bản sao) và hồ sơ pháp lý của Ngân hàng (bản sao).

*Tại phiên tòa:* Bà Mai Thị H, ông Lê Thiết N và chị Lê Thị Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Người đại diện của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Các đương sự không có thỏa thuận gì về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 85 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là không chấp hành quy định theo các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 95 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Mai Thị H và ông Lê Thiết N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/4/2022 là 44.050.118 đồng (bao gồm vốn gốc 24.900.000 đồng; lãi vay trong hạn 9.012.913 đồng; lãi vay quá hạn 10.137.205 đồng) và phải trả tiền lãi phát sinh thêm, tính từ ngày 30/4/2022 cho đến ngày bà H và ông N trả hết nợ.

- Về án phí: Đương sự phải chịu hoặc không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Mai Thị H và ông Lê Thiết N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/10/2021 là 43.074.021 đồng (bao gồm vốn gốc 24.900.000 đồng; lãi vay trong hạn 9.061.866 đồng; lãi vay quá hạn 9.112.155 đồng) và phải trả tiền lãi phát

sinh thêm, tính từ ngày 22/4/2021 cho đến khi bà H và ông N trả hết nợ theo thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ chương trình cho vay học sinh sinh viên, được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bà H và ông N có địa chỉ cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tài liệu, chứng cứ: Căn cứ theo lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn trong quá trình tố tụng và tài liệu, chứng cứ đã nộp tại Tòa án thì toàn bộ nội dung trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ chương trình cho vay học sinh sinh viên số SV080603.30.../KU; Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn mã KH: 47.06.030...; Sổ vay vốn mã KH: 0302.. và kế ước nhận nợ số 6000004700055... do các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và đúng theo quy định của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010. Mặt khác, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án thông báo cho bà H, ông N và chị T tại Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại các Điều 208, 209 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ chương trình cho vay học sinh sinh viên số SV080603.30.../KU ngày 10/11/2008; Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn mã KH: 47.06.030... ngày 19/11/2008 và kế ước nhận nợ số 6000004700055..., ngày 31/10/2013 thì các bên thỏa thuận về số tiền vay là 24.900.000 đồng; lãi suất cho vay 0,50%/tháng; lãi suất nợ quá hạn 0,650%/tháng; thời hạn cho vay 84 tháng, gia hạn thêm 18 tháng; phương thức trả lãi tiền vay, trả lãi hàng tháng; mục đích vay, chi phí học tập; hạn trả nợ cuối cùng ngày 06/3/2017. Tuy nhiên, đã hết thời hạn cuối cùng để trả vốn vay và lãi phát sinh nhưng bà Mai

Thị H, ông Lê Thiết N vẫn không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo như cam kết trong khế ước nhận nợ, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở, đôn đốc nhưng không thành. Việc Ngân hàng chỉ yêu cầu bà H và ông N trả nợ mà không yêu cầu chị Lê Thị Huyền T cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp vì tại thời điểm cho vay chị T đã thành niên nhưng không tham gia ký kết hợp đồng, không phải là người nhận tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H và ông N mới trả được 1.743.120 đồng tiền lãi và cũng đã hết thời hạn cuối cùng để thanh toán tiền gốc và lãi nhưng bà H và ông N không thực hiện đúng như cam kết tại khế ước nhận nợ. Do bà H và ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp cũng như gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu bà H và ông N có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/4/2022 là: Vốn gốc 24.900.000 đồng; lãi vay trong hạn 9.012.913 đồng; lãi vay quá hạn 10.137.205 đồng. Tổng cộng (gốc và lãi) 44.050.118 đồng (Bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn một trăm mười tám đồng) và phải trả tiền lãi phát sinh thêm, tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày bà H và ông N trả hết nợ cho Ngân hàng là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự đối với giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ là  $44.050.118đ \times 5\% = 2.202.505,9đ$  (làm tròn số là 2.202.500 đồng).

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm c khoản 1 Điều 11, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà Mai Thị H và ông Lê Thiết N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Mai Thị H và ông Lê Thiết N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng C số tiền vốn gốc 24.900.000 đồng; lãi vay trong hạn 9.012.913 đồng; lãi vay quá hạn 10.137.205 đồng. Tổng cộng (gốc và lãi) là 44.050.118 đồng (Bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn một trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Mai Thị H và ông Lê Thiết N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ chương trình cho vay học sinh, sinh viên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong giấy đề nghị vay vốn, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Mai Thị H và ông Lê Thiết N phải chịu 2.202.500đ (Hai triệu hai trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí.

- Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự.

**3. Về quyền kháng cáo:** Đương sự khởi kiện có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện X;
- Chi Cục THADS huyện X;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Lê Bá Khuyến**



